

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901603

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Tấn Phát - (01023)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Trương Tấn Phát Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010030029	Trần Ngọc Hoài Bảo	27/04/2002	<u>[Signature]</u>	7,0	Bảy, không	C22DDT	
2	2010030013	Ngô Thành Đạt	06/12/2000	<u>[Signature]</u>	6,5	Sáu, năm	C22DDT	
3	2010030015	Trần Võ Trường Giang	08/05/2002	<u>[Signature]</u>	9,5	Chín, năm	C22DDT	
4	2010030033	Lương Chánh Hưng	21/12/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22DDT	
5	2010030011	Nguyễn Lý Khang	16/03/2002	<u>[Signature]</u>	4,0	Bốn, không	C22DDT	
6	2010030014	Lê Hoàng Khải	01/11/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22DDT	
7	2010030018	Nguyễn Đông Khoa	19/12/2002	<u>[Signature]</u>	5,5	Năm, năm	C22DDT	
8	2010030007	Võ Tuấn Kiệt	01/07/2002	<u>[Signature]</u>	5,5	Năm, năm	C22DDT	
9	2010030026	Trương Quốc Lượng	04/09/2002	<u>[Signature]</u>	4,0	Bốn, không	C22DDT	
10	2010030017	Nguyễn Trung Nguyên	05/02/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22DDT	
11	2010030002	Trần Minh Nhựt	13/12/2002	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu, không	C22DDT	
12	2010030019	Nguyễn Trường Phi	10/11/2002	<u>[Signature]</u>	9,5	Chín, năm	C22DDT	
13	2010030008	Trần Hoài Phong	24/04/2002	<u>[Signature]</u>	5,5	Năm, năm	C22DDT	
14	2010030009	Đặng Văn Quý	01/12/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22DDT	
15	2010030016	Lê Tấn Tài	19/10/2002	<u>[Signature]</u>	5,0	Năm, không	C22DDT	
16	2010030027	Nguyễn Tấn Tài	15/01/2002	<u>[Signature]</u>	5,5	Năm, năm	C22DDT	
17	2010030010	Đặng Minh Tân	09/08/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22DDT	
18	2010030006	Nguyễn Hoàng Thắng	04/06/2001	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22DDT	
19	2010030028	Nguyễn Văn Thống	08/02/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22DDT	
20	2010030012	Nguyễn Trọng Tín	29/08/2002	<u>[Signature]</u>	5,5	Năm, năm	C22DDT	
21	2010030032	Phan Thị Quế Trân	27/10/2002	<u>[Signature]</u>	4,0	Mười	C22DDT	
22	2010030031	Lê Quốc Tuấn	04/01/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22DDT	
23	2010030004	Trần Thiên Tứ	18/10/2002	<u>[Signature]</u>	7,0	Bảy, không	C22DDT	
24	2010030003	Hồ Phúc Viên	24/04/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22DDT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 0 . Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày: 05 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
ThS. Phạm Quang SángNgày: 07 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trương Tấn Phát

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901603

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Tấn Phát - (01023)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Trương Tấn Phát Ký tên: TTP

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010030029	Trần Ngọc Hoài Bảo	27/04/2002	<u>Bao</u>	9,0	Chín, không	C22DDT	
2	2010030013	Ngô Thành Đạt	06/12/2000	<u>DM</u>	6,0	Sáu, không	C22DDT	
3	2010030015	Trần Võ Trường Giang	08/05/2002	<u>Giang</u>	8,5	Tám, năm	C22DDT	
4	2010030033	Lương Chánh Hưng	21/12/2002	<u>Hung</u>	9,0	Chín, không	C22DDT	
5	2010030011	Nguyễn Lý Khang	16/03/2002	<u>Khang</u>	6,0	Sáu, không	C22DDT	
6	2010030014	Lê Hoàng Khải	01/11/2002	<u>Khao</u>	8,5	Tám, năm	C22DDT	
7	2010030018	Nguyễn Đông Khoa	19/12/2002	<u>Khoa</u>	8,5	Tám, năm	C22DDT	
8	2010030007	Võ Tuấn Kiệt	01/07/2002	<u>Kiet</u>	8,5	Tám, năm	C22DDT	
9	2010030026	Trương Quốc Lượng	04/09/2002	<u>Luong</u>	9,0	Chín, không	C22DDT	
10	2010030017	Nguyễn Trung Nguyên	05/02/2002	<u>Nguyen</u>	8,5	Tám, năm	C22DDT	
11	2010030002	Trần Minh Nhựt	13/12/2002	<u>Nhut</u>	9,5	Chín, năm	C22DDT	
12	2010030019	Nguyễn Trường Phi	10/11/2002	<u>Phi</u>	10	Mười	C22DDT	
13	2010030008	Trần Hoài Phong	24/04/2002	<u>Phong</u>	9,5	Chín, năm	C22DDT	
14	2010030009	Đặng Văn Quý	01/12/2002	<u>Quy</u>	9,0	Chín, không	C22DDT	
15	2010030016	Lê Tấn Tài	19/10/2002	<u>Tai</u>	8,5	Tám, năm	C22DDT	
16	2010030027	Nguyễn Tấn Tài	15/01/2002	<u>Tai</u>	4,0	Bốn, không	C22DDT	
17	2010030010	Đặng Minh Tân	09/08/2002	<u>Tan</u>	6,0	Sáu, không	C22DDT	
18	2010030006	Nguyễn Hoàng Thắng	04/06/2001	<u>Thang</u>	9,0	Chín, không	C22DDT	
19	2010030028	Nguyễn Văn Thống	08/02/2002	<u>Thong</u>	9,0	Chín, không	C22DDT	
20	2010030012	Nguyễn Trọng Tín	29/08/2002	<u>Tin</u>	9,0	Chín, không	C22DDT	
21	2010030032	Phan Thị Quế Trân	27/10/2002	<u>Tran</u>	8,0	Tám, không	C22DDT	
22	2010030031	Lê Quốc Tuấn	04/01/2002	<u>Tuan</u>	9,0	Chín, không	C22DDT	
23	2010030004	Trần Thiên Tứ	18/10/2002	<u>Tu</u>	8,5	Tám, năm	C22DDT	
24	2010030003	Hồ Phúc Viên	24/04/2002	<u>Vien</u>	9,0	Chín, không	C22DDT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 0 . Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 05 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 11 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Tấn Phát

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901603

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Tấn Phát - (01023)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Trương Tấn Phát Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040073	Phan Thanh Tuấn Anh	25/11/2002	Anh	9,0	Chín, không	C22CK3	
2	2010040060	Phạm Thanh Bình	09/03/2001	Bình	7,0	Bảy, không	C22CK3	
3	2010040057	Đặng Nguyễn Việt Chương	26/06/2002	Chương	9,0	Chín, không	C22CK3	
4	2010040072	Nguyễn Ngọc Thanh Duy	13/06/2002	Duy	9,0	Chín, không	C22CK3	
5	2010040065	Phan Thái Dương	13/02/2002	Dương	4,0	Bốn, không	C22CK3	
6	2010040068	Nguyễn Tấn Đạt	01/09/2002	Dat	9,0	Chín, không	C22CK3	
7	2010040054	Nguyễn Thanh Đương	24/08/2002	Dương	7,5	Bảy, năm	C22CK3	
8	2010040074	Lê Tuấn Khanh	02/08/2002	Khanh	8,5	Tám, năm	C22CK3	
9	2010040075	Trần Thanh Liêm	06/12/2002	Liem	9,5	Chín, năm	C22CK3	
10	2010040053	Lê Duy Linh	09/04/2002	Linh	9,0	Chín, không	C22CK3	
11	2010040064	Nguyễn Quang Tấn Lợi	09/05/2002	Loi	7,0	Bảy, không	C22CK3	
12	2010040051	Huỳnh Quốc Mạnh	02/12/2002	Mạnh	8,5	Tám, năm	C22CK3	
13	2010040077	Du Phi Minh	27/10/2002	Phi	8,0	Tám, không	C22CK3	
14	2010040066	Nguyễn Hoài Nam	11/11/2002	Nam	9,0	Chín, không	C22CK3	
15	2010040062	Lê Trần Tấn Phát	25/09/2000	Phat	8,5	Tám, năm	C22CK3	
16	2010040063	Lê Minh Quân	31/01/2001	Quân	8,0	Tám, không	C22CK3	
17	2010040067	Tạ Thanh Sang	29/08/2002	Sang	4,0	Bốn, không	C22CK3	
18	2010040069	Lưu Chí Tài	24/04/2002	Tai	7,0	Bảy, không	C22CK3	
19	2010040056	Trần Tấn Thành	23/12/2002	Thanh	8,0	Tám, không	C22CK3	
20	2010040071	Phạm Hoàng Thái	11/12/2002	Thai	8,0	Tám, không	C22CK3	
21	2010040058	Lê Vĩnh Thịnh	06/12/2002	Thinh	7,5	Bảy, năm	C22CK3	
22	2010040052	Phạm Minh Toàn	02/08/2002	Toan	9,0	Chín, không	C22CK3	
23	2010040055	Ksor Quang Trung	07/01/2002	Trung	9,0	Chín, không	C22CK3	
24	2010100106	Trần Minh Trung	12/08/2002	Trung	7,0	Bảy, không	C22CK3	
25	2010040076	Nguyễn Tuấn Vũ	26/02/2002	Vu	9,0	Chín, không	C22CK3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 25 vắng thi: 0 . Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 15 tháng 11 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 11 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Tấn Phát

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901603

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Tấn Phát - (01023)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Trương Tấn Phát Ký tên: TP

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040073	Phan Thanh Tuấn Anh	25/11/2002	Anh	5,0	Năm, khay	C22CK3	
2	2010040060	Phạm Thanh Bình	09/03/2001	Bình	6,5	Sâu, năm	C22CK3	
3	2010040057	Đặng Nguyễn Việt Chương	26/06/2002	Chương	6,5	Sâu, năm	C22CK3	
4	2010040072	Nguyễn Ngọc Thanh Duy	13/06/2002	Duy	7,5	Bày, năm	C22CK3	
5	2010040065	Phan Thái Dương	13/02/2002	Dương	6,5	Sâu, năm	C22CK3	
6	2010040068	Nguyễn Tấn Đạt	01/09/2002	Dat	4,0	Bớt, khay	C22CK3	
7	2010040054	Nguyễn Thanh Đương	24/08/2002	Dương	4,0	Bớt, khay	C22CK3	
8	2010040074	Lê Tuấn Khanh	02/08/2002	Khanh	7,0	Bày, khay	C22CK3	
9	2010040075	Trần Thanh Liêm	06/12/2002	Liem	6,5	Sâu, năm	C22CK3	
10	2010040053	Lê Duy Linh	09/04/2002	Linh	6,5	Sâu, năm	C22CK3	
11	2010040064	Nguyễn Quang Tấn Lợi	09/05/2002	Loi	7,0	Bày, khay	C22CK3	
12	2010040051	Huỳnh Quốc Mạnh	02/12/2002	Mạnh	6,0	Sâu, khay	C22CK3	
13	2010040077	Du Phi Minh	27/10/2002	Phi	5,0	Năm, khay	C22CK3	
14	2010040066	Nguyễn Hoài Nam	11/11/2002	Nam	9,5	Chín, năm	C22CK3	
15	2010040062	Lê Trần Tấn Phát	25/09/2000	Phat	9,5	Chín, năm	C22CK3	
16	2010040063	Lê Minh Quân	31/01/2001	Quân	9,0	Chín, khay	C22CK3	
17	2010040067	Tạ Thanh Sang	29/08/2002	Sang	9,0	Chín, khay	C22CK3	
18	2010040069	Lưu Chí Tài	24/04/2002	Tai	9,0	Chín, khay	C22CK3	
19	2010040056	Trần Tấn Thành	23/12/2002	Thanh	9,5	Chín, năm	C22CK3	
20	2010040071	Phạm Hoàng Thái	11/12/2002	Thai	9,0	Chín, khay	C22CK3	
21	2010040058	Lê Vĩnh Thịnh	06/12/2002	Thinh	5,0	Năm, khay	C22CK3	
22	2010040052	Phạm Minh Toàn	02/08/2002	Toan	4,0	Bớt, khay	C22CK3	
23	2010040055	Ksor Quang Trung	07/01/2002	Trung	6,5	Sâu, năm	C22CK3	
24	2010100106	Trần Minh Trung	12/08/2002	Trung	5,0	Năm, khay	C22CK3	
25	2010040076	Nguyễn Tuấn Vũ	26/02/2002	Vu	7,5	Bày, năm	C22CK3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 0. Số bài thi: _____ / _____.

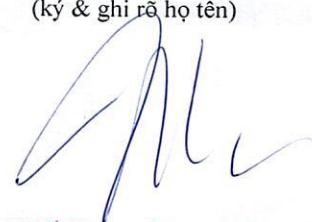
Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 05 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 07 tháng 01 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Trương Tấn Phát

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: Trương Tấn Phát Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: MH110901603

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trương Tấn Phát - (01023)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040079	Trần Nhật Long	11/05/2002	<u>Long</u>	<u>6,0</u>	<u>Sâu, khong</u>	C22CK3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày 15 tháng 11 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 07 tháng 11 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Trương Tấn Phát



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: Trương Tấn Phát Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: MH110901603

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trương Tấn Phát - (01023)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040079	Trần Nhật Long	11/05/2002	<u>Long</u>	<u>7,0</u>	<u>Bây, không</u>	C22CK3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 05 tháng 04 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 11 tháng 03 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Tấn Phát



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901603

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Tấn Phát

Ngày thi: 12/04/2021

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 1

Giám thị 1: Ngô Dũng

Ký tên: Ngô Dũng

Giám thị 2: Nguyễn Văn Minh

Ký tên: Nguyễn Văn Minh

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040073	Phan Thanh Tuấn Anh	25/11/2002	<u>Anh</u>		4,0	Bốn, không	C22CK3	
2	2010030029	Trần Ngọc Hoài Bảo	27/04/2002	<u>Bảo</u>		4,0	Bốn, không	C22DDT	
3	2010040060	Phạm Thanh Bình	09/03/2001	<u>Bình</u>		6,0	Sáu, không	C22CK3	
4	2010040057	Đặng Nguyễn Việt Chương	26/06/2002	<u>Chương</u>		4,0	Bốn, không	C22CK3	
5	2010040072	Nguyễn Ngọc Thanh Duy	13/06/2002	<u>Duy</u>		9,0	Chín, không	C22CK3	
6	2010030013	Ngô Thành Đạt	06/12/2000	<u>Đạt</u>		5,0	Năm, không	C22DDT	
7	2010040068	Nguyễn Tấn Đạt	01/09/2002	<u>Đạt</u>		6,5	Sáu, năm	C22CK3	
8	2010040054	Nguyễn Thanh Dương	24/08/2002	<u>Dương</u>		5,0	Năm, không	C22CK3	
9	2010030015	Trần Võ Trường Giang	08/05/2002	<u>Giang</u>		7,0	Bảy, không	C22DDT	
10	2010030033	Lương Chánh Hưng	21/12/2002	<u>Hưng</u>		9,0	Chín, không	C22DDT	
11	2010030011	Nguyễn Lý Khang	16/03/2002	<u>Khang</u>		6,0	Sáu, không	C22DDT	
12	2010040074	Lê Tuấn Khanh	02/08/2002	<u>Khanh</u>		5,0	Năm, không	C22CK3	
13	2010030014	Lê Hoàng Khải	01/11/2002	<u>Khải</u>		4,0	Bốn, không	C22DDT	
14	2010030018	Nguyễn Đông Khoa	19/12/2002	<u>Khoa</u>		7,5	Bảy, năm	C22DDT	
15	2010030007	Võ Tuấn Kiệt	01/07/2002	<u>Kiệt</u>		4,0	Bốn, không	C22DDT	
16	2010040075	Trần Thanh Liêm	06/12/2002	<u>Liêm</u>		4,0	Bốn, không	C22CK3	
17	2010040053	Lê Duy Linh	09/04/2002	<u>Linh</u>		5,0	Năm, không	C22CK3	
18	2010040079	Trần Nhật Long	11/05/2002	<u>Long</u>		8,0	Tám, không	C22CK3	
19	2010040064	Nguyễn Quang Tấn Lợi	09/05/2002	<u>Lợi</u>		4,5	Bốn, năm	C22CK3	
20	2010030026	Trương Quốc Lượng	04/09/2002	<u>Lượng</u>		5,5	Năm, năm	C22DDT	
21	2010040051	Huỳnh Quốc Mạnh	02/12/2002	<u>Mạnh</u>		5,0	Năm, không	C22CK3	
22	2010040077	Du Phi Minh	27/10/2002	<u>Minh</u>		4,0	Bốn, không	C22CK3	
23	2010040066	Nguyễn Hoài Nam	11/11/2002	<u>Nam</u>		5,0	Năm, không	C22CK3	
24	2010030017	Nguyễn Trung Nguyên	05/02/2002	<u>Nguyên</u>		4,5	Bốn, năm	C22DDT	
25	2010030002	Trần Minh Nhựt	13/12/2002	<u>Nhựt</u>		4,5	Bốn, năm	C22DDT	
26	2010040062	Lê Trần Tấn Phát	25/09/2000	<u>Phát</u>		5,0	Năm, không	C22CK3	
27	2010030019	Nguyễn Trường Phi	10/11/2002	<u>Phi</u>		9,5	Chín, năm	C22DDT	
28	2010030008	Trần Hoài Phong	24/04/2002	<u>Phong</u>		6,0	Sáu, không	C22DDT	
29	2010040063	Lê Minh Quân	31/01/2001	<u>Quân</u>				C22CK3	
30	2010030009	Đặng Văn Quý	01/12/2002	<u>Quý</u>		4,0	Bốn, không	C22DDT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 29 vắng thi: 1 . Số bài thi/Số tờ: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt: _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày: 12 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Trương Tấn Phát

TR
KH



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901603

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Tấn Phát

Ngày thi: 12/04/2021

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Trần Thị Tuyền Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Lê Trung Sơn Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040067	Tạ Thanh Sang	29/08/2002	<u>[Signature]</u>		4,5	Bốn, năm	C22CK3	X
2	2010030016	Lê Tấn Tài	19/10/2002	<u>[Signature]</u>		5,5	Năm, năm	C22DDT	X
3	2010040069	Lưu Chí Tài	24/04/2002	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu, năm	C22CK3	X
4	2010030010	Đặng Minh Tân	09/08/2002	<u>[Signature]</u>		6,0	Sáu, không	C22DDT	X
5	2010040056	Trần Tấn Thành	23/12/2002	<u>[Signature]</u>		5,0	Năm, không	C22CK3	X
6	2010040071	Phạm Hoàng Thái	11/12/2002	<u>[Signature]</u>		5,0	Năm, không	C22CK3	X
7	2010030006	Nguyễn Hoàng Thắng	04/06/2001	<u>[Signature]</u>		9,0	Chín, không	C22DDT	X
8	2010040058	Lê Vĩnh Thịnh	06/12/2002	<u>[Signature]</u>		4,5	Bốn, năm	C22CK3	X
9	2010030028	Nguyễn Văn Thống	08/02/2002	<u>[Signature]</u>		7,5	Bảy, năm	C22DDT	X
10	2010030012	Nguyễn Trọng Tín	29/08/2002	<u>[Signature]</u>		4,5	Bốn, năm	C22DDT	X
11	2010040052	Phạm Minh Toàn	02/08/2002	<u>[Signature]</u>		5,0	Năm, không	C22CK3	X
12	2010030032	Phan Thị Quế Trân	27/10/2002	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu, năm	C22DDT	X
13	2010040055	Ksor Quang Trung	07/01/2002	<u>[Signature]</u>		5,0	Năm, không	C22CK3	X
14	2010100106	Trần Minh Trung	12/08/2002	<u>[Signature]</u>		7,0	Bảy, không	C22CK3	X
15	2010030031	Lê Quốc Tuấn	04/01/2002	<u>[Signature]</u>		4,0	Bốn, không	C22DDT	X
16	2010030004	Trần Thiên Tứ	18/10/2002	<u>[Signature]</u>		4,5	Bốn, năm	C22DDT	X
17	2010030003	Hồ Phúc Viên	24/04/2002	<u>[Signature]</u>		4,0	Bốn, không	C22DDT	X
18	2010040076	Nguyễn Tuấn Vũ	26/02/2002	<u>[Signature]</u>		6,0	Sáu, không	C22CK3	X

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 18 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 18 / 18 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày: 12 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Trương Tấn Phát